UBND Xã: Sơn Giang

Biểu số 118/CK TC - NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	**9.624.461.000**	**4.502.700.000**	**5.121.761.000**	**20.717.088.143**	**12.757.649.310**	**7.959.438.833**	**215,25**	**283,33**	**155,40**
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	20.000.000		20.000.000	139.900.000	58.000.000	81.900.000	699,50		409,50
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	47.912.000		47.912.000	47.412.000		47.412.000	98,96		98,96
4	Chi văn hóa, thông tin	120.000.000		120.000.000	952.330.400	850.000.000	102.330.400	793,61		85,28
5	Chi phát thanh, truyền thanh	30.000.000		30.000.000	25.700.000		25.700.000	85,67		85,67
6	Chi thể dục, thể thao	35.000.000		35.000.000	51.319.700		51.319.700	146,63		146,63
7	Chi bảo vệ môi trường	50.000.000		50.000.000	154.200.000		154.200.000	308,40		308,40
8	Chi các hoạt động kinh tế	2.690.000.000	2.600.000.000	90.000.000	7.948.603.000	7.363.888.000	584.715.000	295,49	283,23	649,68
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.778.010.916	1.902.700.000	3.875.310.916	9.510.450.086	4.115.761.310	5.394.688.776	164,60	216,31	139,21
10	Chi cho công tác xã hội	212.372.200		212.372.200	364.044.000		364.044.000	171,42		171,42
11	Chi khác	507.945.884		507.945.884	695.021.300		695.021.300	136,83		136,83
12	Dự phòng	133.220.000		133.220.000						
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				760.406.290	370.000.000	390.406.290			
14	Nộp trả ngân sách cấp trên				67.701.367		67.701.367			